



Số: 195/TBHH-TCTBĐATHHMN Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 7 năm 2021

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật độ sâu các đoạn cạn luồng hàng hải
Sài Gòn – Vũng Tàu năm 2021

HCM – 52 – 2021

Vùng biển: Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu.

Căn cứ các bình đồ độ sâu ký hiệu VGR_2107_01 đến VGR_2107_06; KER_2107_01, KER_2107_02; DX_2107_01, DX_2107_02; PRO_2017; ĐH_2017; ML_2017_01 đến ML_2017_04; NAVI_2017_01, NAVI_2017_02; ĐC-P58_2017; VQ1_2017, VQ2_2017; P71-ĐT83_2017_01 đến P71-ĐT83_2017_06 tỷ lệ 1/2000 đo đạc và hoàn thành tháng 7/2021; các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải thiết kế rộng 150m, đoạn Vịnh Gành Rái rộng 400m (từ cặp phao báo hiệu hàng hải (BHHH) “8”, “9” luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải đến phao BHHH số “1” luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu) được giới hạn và hướng dẫn bằng hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số “0 Hải đồ” như sau:

1. Đoạn cạn Vịnh Gành Rái: Đoạn từ cặp phao BHHH số “8”, “9” luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải đến phao BHHH số “3” + 800 m luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu, chiều dài khoảng 6,4 km.

- Dải độ sâu nằm phía bên trái luồng, từ phao BHHH số “2” – 890 m đến phao BHHH số “2” – 680 m, chiều dài khoảng 210 m, lún luồng xa nhất khoảng 100m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,2.

Ngoài dải độ sâu nêu trên tại đoạn luồng này, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,5 m trở lên.

2. Đoạn cạn Dân Xây: từ phao BHHH số “29” - 400 m luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu đến phao BHHH số “26” + 400 m, chiều dài khoảng 2,5 km, độ sâu đạt 8,5 m trở lên.

3. Đoạn cạn Kervella: từ phao BHHH số “28” – 400 m đến phao BHHH số “33”, chiều dài khoảng 2,1 km.

- Dải độ sâu nằm phía biên phải luồng từ phao BHHH số “28” – 60 m đến phao BHHH số “28” + 50 m, chiều dài khoảng 110 m, lần luồng xa nhất khoảng 15 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 6,8 m.

Ngoài dải độ sâu nêu trên, tại đoạn luồng này độ sâu nhỏ nhất đạt 8,5 m trở lên.

4. Đoạn cạn Mũi L'est: từ phao BHHH số “34” – 1100 m đến phao BHHH số “37A”, chiều dài khoảng 5,9 km.

- Dải độ sâu nằm phía biên phải luồng từ phao BHHH số “34” – 150m đến phao BHHH số “34” + 50 m, chiều dài khoảng 200m, lần luồng xa nhất khoảng 10 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,8 m.

- Dải độ sâu nằm phía biên phải luồng từ đăng tiêu BHHH số “35” đến đăng tiêu BHHH số “38” + 150 m, chiều dài khoảng 300m, lần luồng xa nhất khoảng 7 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,9 m.

- Dải độ sâu nằm phía biên trái luồng từ phao BHHH số “40” – 170 m đến phao BHHH số “40” + 50 m, chiều dài khoảng 220 m, lần luồng xa nhất khoảng 5 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,0 m.

Ngoài các dải độ sâu nêu trên, tại đoạn luồng này độ sâu nhỏ nhất đạt 8,5 m trở lên.

5. Đoạn cạn Propontis: từ phao BHHH số “37A” đến phao BHHH số “44” + 750m, chiều dài khoảng 1,2 km.

- Dải độ sâu nằm phía biên phải luồng từ phao BHHH số “37A” + 100m đến phao BHHH số “44” – 330 m, chiều dài khoảng 200 m, lần luồng xa nhất khoảng 5 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,7 m.

- Điểm độ sâu nằm phía biên trái luồng tại khu phao BHHH số “44” + 76 m, lần luồng xa nhất khoảng 8 m, độ sâu đạt 8,2 m.

Ngoài các dải độ sâu, điểm độ sâu nêu trên, tại đoạn luồng này độ sâu nhỏ nhất đạt 8,5 m trở lên.

6. Đoạn cạn Đá Hàn: từ phao BHHH số “46” – 100 m, đến phao BHHH số “43” + 300 m, chiều dài khoảng 1,8 km, độ sâu đạt 8,5m trở lên.

7. Đoạn cạn phao 58: khu vực mũi Pha Mi.

- Dải độ sâu nằm bên trái luồng, kéo dài từ phao BHHH số “58” về phía thượng lưu khoảng 150 m, lần luồng xa nhất khoảng 85 m, có độ sâu nhỏ nhất đạt 7,9 m.

Ngoài dải độ sâu nêu trên, tại khu vực này độ sâu nhỏ nhất đạt 8,5 m trở lên.

8. Đoạn cạn Navi Oil: từ phao BHHH số “67” đến phao BHHH số “69” + 850 m, chiều dài khoảng 2,0 km, độ sâu đạt 8,5 m trở lên.

9. Đoạn cạn P71 – ĐT83: từ phao BHHH số “71” đến đăng tiêu BHHH số

“83” + 1300 m, chiều dài khoảng 9,5 km.

- Đoạn từ phao BHHH số “73” - 100 m đến phao BHHH số “75” – 510 m, chiều dài khoảng 800 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 6,9 m, độ sâu nhỏ nhất tại tim luồng đạt 7,4 m.

- Dải độ sâu nằm phía biên phải luồng từ phao BHHH số “75” – 510 m đến phao BHHH số “75” , chiều dài khoảng 510 m, lần luồng xa nhất khoảng 6 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,8 m.

- Dải độ sâu nằm phía biên trái luồng khu vực từ cầu Phú Mỹ đến cầu Phú Mỹ + 240 m, chiều dài khoảng 240 m, lần luồng xa nhất khoảng 5m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,0 m.

- Dải độ sâu nằm phía biên phải luồng từ phao BHHH số “77” – 150 m đến phao BHHH số “77” + 130 m, chiều dài khoảng 280 m, lần luồng xa nhất khoảng 14 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,2 m.

- Đoạn từ phao BHHH số “77” + 300 m đến phao BHHH số “77” + 770 m chiều dài khoảng 470 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,9 m nằm sát biên phải luồng, độ sâu nhỏ nhất tại tim luồng đạt 8,3 m trở lên.

- Dải độ sâu nằm phía biên trái luồng từ phao BHHH số “66” – 50 m đến phao BHHH số “66” + 260 m, chiều dài khoảng 310 m, lần luồng xa nhất khoảng 16 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,0 m.

- Dải độ sâu nằm phía trái luồng đoạn từ đăng tiêu BHHH số 68 – 260m đến đăng tiêu “68” + 100m , chiều dài 360 m, lần luồng xa nhất khoảng 6 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,0 m.

- Xuất hiện các điểm độ sâu 8,4 m; 8,1 m; 8,4 m tại vị trí có tọa độ sau:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
8,4	10°46'13,2" N	106°43'57,6" E	10°46'09,5" N	106°44'04,0" E
8,1	10°46'31,4"N	106°44'03,7"E	10°46'27,7"N	106°44'10,2"E
8,4	10°46'34,8"N	106°44'41,4"E	10°46'31,2"N	106°44'47,9"E

Ngoài các đoạn luồng, dải độ sâu, điểm độ sâu nêu trên, tại đoạn luồng này độ sâu nhỏ nhất đạt 8,5 m trở lên.

10. Vững quay tàu VQ1: Trong phạm vi thiết kế nửa đường tròn đường kính 340 m, tại khu vực trước cảng Sài Gòn.

- Dải độ sâu nằm phía bờ bên phải vững quay tàu, chiều dài khoảng 340m, lần vào trong vững quay tàu xa nhất khoảng 50 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 2,8 m.

Ngoài dải độ sâu nêu trên, tại khu vực vững quay tàu độ sâu nhỏ nhất đạt 8,5 m trở lên.

11. Vững quay tàu VQ2: Trong phạm vi thiết kế nửa đường tròn đường kính 480 m, tại khu vực đối diện với Kênh Tê.

- Dải độ sâu nằm phía bờ bên phải vũng quay tàu, chiều dài khoảng 480 m, lấn vào trong vũng quay tàu xa nhất khoảng 10 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 5,3 m.

Ngoài dải độ sâu nêu trên, tại khu vực vũng quay tàu độ sâu nhỏ nhất đạt 8,5 m trở lên.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Các phương tiện hành hải trên luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải TP. Hồ Chí Minh. / *quy*

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH_{Hòa}.

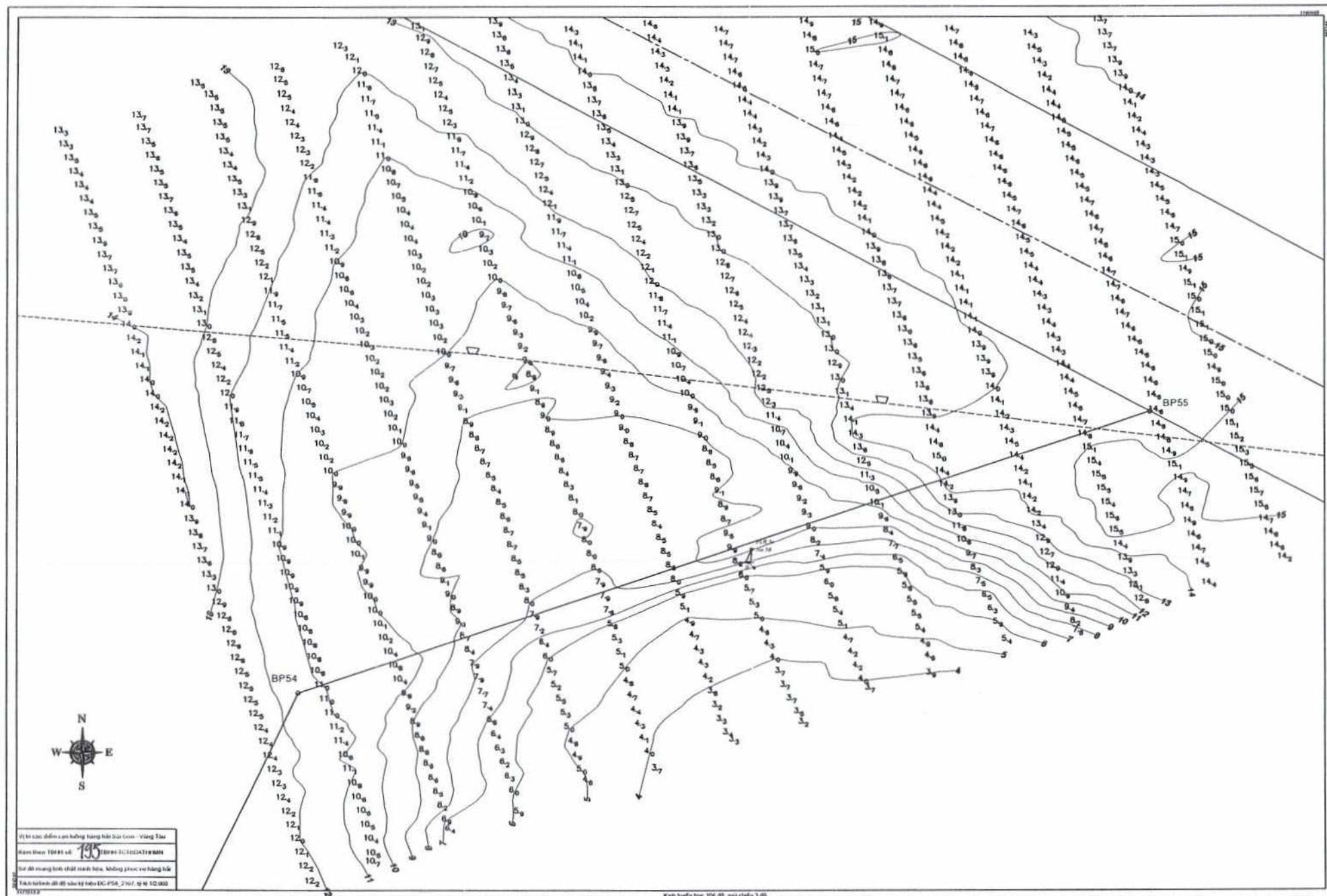
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- | | | | |
|----|---|----|---|
| 1 | Bộ Tư lệnh Hải quân | 12 | Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn) |
| 2 | Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển | 13 | Công ty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip) |
| 3 | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam | 14 | Công ty Vận tải biển VN (VOSCO) |
| 4 | Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam | 15 | Công ty Vận tải biển VINASHIP |
| 5 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 16 | Chi nhánh 1-Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam |
| | - Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (VSP) | 17 | Trường Đại học GTVT TP.HCM |
| | - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 18 | Trường Cao đẳng nghề hàng hải TP.HCM |
| | - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP) | 19 | Công ty Cổ Phần Cảng Sài Gòn |
| | - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans) | 20 | Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh |
| | - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí quốc tế (Gas shipping) | 21 | Đài Thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh |
| | - Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam (NASOS) | 22 | Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng |
| 6 | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) | 23 | Bộ đội Biên phòng TP.HCM |
| 7 | Công ty CP vận tải Xăng dầu VITACO | 24 | Đài Thông tin Duyên Hải TP.HCM |
| 8 | Cty CP vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex | 25 | Phòng Cảnh sát GT đường Thủy TP.HCM |
| 9 | Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) | 26 | Sở GTVT và Sở NN&PTNT TP.HCM |
| | Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO) | 27 | Xí Nghiệp Hoa Tiêu Vũng Tàu |
| | Công ty Vận tải biển container Vinalines (Vinalines Containers) | 28 | Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam |
| | - Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC) | 29 | Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ |
| | Công ty CP Hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE) | 30 | Cty TNHH MTV Hoa tiêu KV I |
| | Cty CP VT biển & Hợp tác LĐ Quốc tế | 31 | Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng |
| | - Công ty CP Hàng hải Vinalines Nha Trang | | |
| | Công ty vận tải biển Bắc | | |
| 10 | Công ty CP Vận tải & Cung ứng Xăng Dầu đường Biển | | |
| 11 | Cty Vận tải và thuê tàu biển VN | | |



HNH 071

1:2000

Bến nhà Rồng



Vị trí các điểm khảo sát hàng hải BQ-VT
Kèm theo TĐB số: 795 / TĐB số 15/10/2019 MN
Số đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Tích tụ trên đồ độ sâu kỹ thuật VGH_2707, tỷ lệ 1:2000
11/2019

Kích thước trục: 100 độ, trục chuẩn 3 độ